

Số: /QĐ-BXD

Hà Nội, ngày tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần đoạn Bùng – Vạn Ninh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng

BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư 74/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài Chính về việc quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Đường sắt tại văn bản số 3621/BQLĐAĐS-ĐHDA9 ngày 29/10/2025 báo cáo hoàn thành đưa vào khai thác và xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với Dự án thành phần đoạn Bùng - Vạn Ninh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; Cục Đường bộ Việt Nam tại văn bản số 5741/CĐBVN-KHTC ngày 23/10/2025 về việc đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao Cục Đường bộ Việt Nam quản lý các hạng mục là tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ hình thành từ Dự án thành phần đoạn Bùng – Vạn Ninh

thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025 thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Xây dựng, chi tiết tại phụ lục kèm theo quyết định này.

Điều 2. Cục Đường bộ Việt Nam có trách nhiệm:

1. Quản lý, khai thác, bảo trì các tài sản được giao tại Điều 1 theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận, hạch toán tăng tài sản theo quy định. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 44/2024/NĐ-CP ngày 24/4/2024 của Chính phủ.

2. Trong quá trình khai thác, phối hợp với Chủ đầu tư các đơn vị có liên quan để theo dõi việc thực hiện các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước đối với dự án;

3. Quản lý tài sản được giao theo đúng quy định, kịp thời hạch toán điều chỉnh giá trị tài sản theo quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành hoặc khi có thay đổi, điều chỉnh từ cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Ban Quản lý dự án Đường sắt có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các nội dung nêu tại Thông báo kết luận của Hội đồng kiểm tra nhà nước số 144/TB-HĐKTNN ngày 22/5/2025 về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành các công trình, hạng mục công trình “Dự án thành phần đoạn Bùng - Vạn Ninh thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025”;

2. Chủ trì phối hợp với Cục Đường bộ Việt Nam để hoàn tất thủ tục về việc trình cấp có thẩm quyền chấp thuận việc đưa công trình vào khai thác, sử dụng theo quy định tại Khoản 3 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng các Vụ: Kế hoạch - Tài chính, Vận tải và An toàn giao thông; Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Kinh tế - Quản lý đầu tư xây dựng, Giám đốc Khu Quản lý đường bộ II, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đường sắt và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TTr Lê Anh Tuấn (để biết);
- Cục QLCS - Bộ Tài chính;
- Công thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Lưu: VT, KHTC (Khang).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Tường Văn

DANH MỤC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ GIAO CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM QUẢN LÝ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BXD ngày tháng 11 năm 2025 của Bộ Xây dựng)

1. Danh mục tài sản

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp /hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
A	Khu Quản lý đường bộ II (Cục đường bộ Việt Nam) trực tiếp hạch toán tài sản				59,440				6.298.784.007.600	6.298.784.007.600			Nghị định số 186/2025/NĐ-CP
1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu (bao gồm: đường, cầu)				54,785				4.310.326.467.270	4.310.326.467.270			
1.1	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km625+000 - Km655+285)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	28,917				2.451.535.484.192	2.451.535.484.192	Mới đưa vào sử dụng		
1.2	Đường và các công trình phụ trợ gắn liền với đường (Km655+285-Km674+565,56)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	15,58				1.446.319.849.036	1.446.319.849.036	Mới đưa vào sử dụng		
1,3	Nút giao Cự Năm	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	2,110				91.747.984.506	91.747.984.506	Mới đưa vào sử dụng		
1,4	Nút giao Việt Trung	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	2,162				72.518.593.877	72.518.593.877	Mới đưa vào sử dụng		
1,5	Nút giao Nhật Lệ	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	4,25				189.311.013.735	189.311.013.735	Mới đưa vào sử dụng		
1,6	Nút giao QL9B (không bao gồm phạm vi từ Km0+00 - Km0+040 của nhánh N1 - phạm vi nút giao với QL.9B)	Tỉnh Quảng Trị	2025	I	1,77				58.893.541.924	58.893.541.924	Mới đưa vào sử dụng		
2	Cầu đường bộ và các công trình phụ trợ gắn liền với cầu				4,655				1.988.457.540.330	1.988.457.540.330			
2.1	Cầu dầm I, T, Super T bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				4,368				1.831.168.327.400	1.831.168.327.400			
Cầu có chiều dài <300m					2,412				918.659.410.454	918.659.410.454			
1	Cầu Phú Định 1 Km628+730,59	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,113				46.231.836.485	46.231.836.485	Mới đưa vào sử dụng		

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp /hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2	Cầu Phú Định 2 Km629+292,02	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,080				35.316.500.094	35.316.500.094	Mới đưa vào sử dụng		
3	Cầu Thụp Núp Km633+573,53	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,047				22.371.346.951	22.371.346.951	Mới đưa vào sử dụng		
4	Cầu Ổ Ổ Km637+515,22	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,047				27.481.224.182	27.481.224.182	Mới đưa vào sử dụng		
5	Cầu Dững Cầm Km638+826,43	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,047				25.144.726.433	25.144.726.433	Mới đưa vào sử dụng		
6	Cầu Đá Mài Km641+692	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,181				66.050.177.102	66.050.177.102	Mới đưa vào sử dụng		
7	Cầu Km644+367	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,047				23.270.224.389	23.270.224.389	Mới đưa vào sử dụng		
8	Cầu Phú Vinh 1 Km646+262,958	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,168				60.069.529.612	60.069.529.612	Mới đưa vào sử dụng		
9	Cầu Phú Vinh 2 Km648+884,352	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,288				128.923.337.254	128.923.337.254	Mới đưa vào sử dụng		
10	Cầu Đồng Sơn Km651+798,988	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,130				46.372.343.988	46.372.343.988	Mới đưa vào sử dụng		
11	Cầu trong nút giao Cự Năm - Km626+690,35	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,140				48.896.104.270	48.896.104.270	Mới đưa vào sử dụng		
12	Cầu trong nút giao Nhật Lệ 2 - Km653+756	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,097				34.294.062.165	34.294.062.165	Mới đưa vào sử dụng		
13	Cầu Vực Hủy Km656+192	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,052				20.142.931.831	20.142.931.831	Mới đưa vào sử dụng		
14	Cầu Km662+479	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,096				32.063.539.576	32.063.539.576	Mới đưa vào sử dụng		
15	Cầu Hồ Trầm Km664+800	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,175				52.862.233.409	52.862.233.409	Mới đưa vào sử dụng		
16	Cầu vượt ĐS 1 và đường HCM Km665+432	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,293				98.805.988.588	98.805.988.588	Mới đưa vào sử dụng		
17	Cầu Km671+285	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,132				41.343.795.742	41.343.795.742	Mới đưa vào sử dụng		
18	Cầu QL9B Km674+417	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,133				49.577.777.271	49.577.777.271	Mới đưa vào sử dụng		
19	Cầu vượt nút giao QL9B Km673+836	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,142				59.441.731.111	59.441.731.111	Mới đưa vào sử dụng		
Cầu có chiều dài >300m					1,957	0,000	0,000	0,000	912.508.916.946	912.508.916.946			
20	Cầu Hồ Diều Già Km658+074	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,769				276.753.830.460	276.753.830.460	Mới đưa vào sử dụng		
21	Cầu Long Đại Km666+390	Tỉnh Quảng Trị	2025		1,187				635.755.086.486	635.755.086.486	Mới đưa vào sử dụng		

TT	Tên tài sản	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Loại/cấp /hạng	Số lượng, chiều dài (cái)	Diện tích (m2)			Giá trị		Tình trạng sử dụng của tài sản	Hình thức xử lý	Lý do xử lý
						Diện tích đất	Sàn sử dụng nhà	Cầu, hầm, bãi đỗ xe	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
2.2	Cầu dầm bản bê tông cốt thép dự ứng lực, móng cọc bê tông cốt thép				0,287				157.289.212.929	157.289.212.929			
1	Cầu Km637+334,35	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,029				18.143.696.234	18.143.696.234	Mới đưa vào sử dụng		
2	Cầu Km638+037,45	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,029				20.350.705.995	20.350.705.995	Mới đưa vào sử dụng		
3	Cầu Bùn 1 Km640+173,5	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,029				18.011.350.486	18.011.350.486	Mới đưa vào sử dụng		
4	Cầu Đá Rò Km641+476	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,032				15.362.282.397	15.362.282.397	Mới đưa vào sử dụng		
5	Cầu Bùn 2 Km642+500	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,029				16.064.936.073	16.064.936.073	Mới đưa vào sử dụng		
6	Cầu Km645+421	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,034				18.408.862.622	18.408.862.622	Mới đưa vào sử dụng		
7	Cầu Km649+577	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,036				17.263.928.006	17.263.928.006	Mới đưa vào sử dụng		
8	Cầu vượt khung K trong nút giao Việt Trung - Km643+401	Tỉnh Quảng Trị	2025		0,068				33.683.451.116	33.683.451.116	Mới đưa vào sử dụng		

2. Chú ý:

- Giá trị phần Xây lắp, dự phòng theo Phụ lục hợp đồng số 13 ký ngày 20/8/2025 của gói thầu XL01 và Phụ lục hợp đồng số 08 ký ngày 05/4/2025 của gói thầu XL02.
- Các chi phí GPMB, TV, khác theo Tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định 1210/QĐ-BXD ngày 04/8/2025 của Bộ Xây dựng.
- Về nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản thực hiện theo quy định tại Điều 9 của Nghị định số 44/2024/NĐ-CP của Chính phủ, sau khi quyết toán hoàn thành, Ban QLDA Đường sắt có trách nhiệm thông báo, gửi tới các đơn vị để thực hiện công tác cập nhật và điều chỉnh giá trị theo đúng quy định.